

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 22D1LAW52803

Môn thi: **Luật lao động và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR)** Mã ca thi: **THI199495**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **13/03/2022**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202120002	Phạm Phú	Anh	12/10/1992						
2	202120001	Phan Đặng Hoài	Ân	05/11/1982						
3	202120003	Hoàng Kim Minh	Châu	20/05/1984						
4	202120004	Phan Vũ Quốc	Cường	04/09/1988						Nợ HP
5	202120005	Lý Tuấn	Diệu	06/06/1980						
6	202120009	Lỗ Thị	Dung	10/02/1993						
7	202120011	Hoa Vinh Tuấn	Duy	12/10/1990						
8	202120010	Lê Quốc	Duy	03/03/1980						Nợ HP
9	202120008	Huỳnh Minh	Đức	15/10/1973						
10	202120007	Phan Thanh Huy	Đức	18/07/1983						
11	202120013	Huỳnh Minh	Giới	10/06/1980						Nợ HP
12	202120012	Trần Văn	Giới	12/03/1991						Nợ HP
13	202120015	Dương Hồng	Hải	02/09/1979						
14	202120014	Võ Hoàng	Hải	08/10/1981						
15	202120016	Nguyễn Thúy	Hiền	01/11/1998						
16	202120017	Hoàng Minh	Hòa	06/01/1984						
17	202120018	Nguyễn Thị Kim	Hương	18/08/1997						
18	202120042	Nguyễn Đình	Kha	22/09/1986						
19	202120019	Phạm Quang	Khải	25/12/1997						
20	202120020	Hoàng Mỹ	Linh	12/08/1993						
21	202120021	Trần Ngọc	Lĩnh	03/10/1994						
22	202120022	Nguyễn Thị Khánh	Ly	02/09/1993						
23	202120023	Trương Trần Nguyễn	Nghĩa	01/01/1990						
24	202120024	Nguyễn Thị Hồng	Như	12/10/1989						
25	202120025	Dương Hồng	Phượng	18/08/1981						
26	202120028	Phan Minh	Thắng	21/04/1979						
27	202120029	Nguyễn Thị Mỹ	Thiện	05/07/1997						
28	202120030	Nguyễn Thị Xuân	Thịnh	18/01/1976						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
29	202120031	Nguyễn Thị	Thọ	04/04/1985						
30	202120034	Nguyễn Văn	Tiếp	25/03/1989						
31	202120036	Nguyễn Thị Ái	Trình	05/12/1983						
32	202120037	Tạ Minh	Trình	10/03/1981						
33	202120035	Quách Minh	Trí	28/02/1990						
34	202120039	Nguyễn Trần	Trung	30/05/1997						
35	202120038	Trang Hoàng Thiên	Trúc	16/08/1997						
36	202120041	Mạnh Anh	Tuấn	31/03/1974						
37	202120040	Lê Thắng Anh	Tú	29/05/1997						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 22D1ADV60700602

Môn thi: **Kế toán quản trị cao cấp**

Mã ca thi: **THI199496**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **13/03/2022**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211114003	Đặng Thị Thu	Diệu	12/07/1996						
2	211114004	Trần Kim	Diệu	08/04/1987						
3	211114005	Trần Thùy	Dung	11/05/1998						
4	211114009	Nguyễn Thị	Hằng	16/05/1985						
5	211114010	Nguyễn Thị	Hiền	19/11/1981						
6	211114019	Nguyễn Nhựt	Kiên	01/01/1987						
7	211114022	Lê Thị Kim	Luyến	12/10/1985						
8	211114023	Nguyễn Hồ Vương	Miên	19/10/1998						
9	211114024	Nguyễn Thị Ánh	Minh	15/07/1995						
10	211114028	Phạm Thị	Nga	10/03/1983						
11	211114032	Trần Đại	Nghĩa	16/04/1998						
12	211114033	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	25/10/1993						
13	211114040	Lâm Thị Hồng	Phương	22/03/1981						
14	211114036	Lê Hoàng Minh	Phương	29/02/1996						
15	211114037	Lê Hoàng Nguyên	Phương	29/02/1996						
16	211114041	Trần Khánh	Phương	06/02/1989						
17	211114039	Trương Thị	Phương	10/03/1989						
18	211114043	Đặng Vinh	Quang	07/03/1988						
19	211114044	Phạm Thị Phương	Quỳnh	13/03/1996						
20	211114045	Lê Hoàng	Son	24/08/1998						
21	211114048	Phan Thị	Thìn	12/07/1988						
22	211114049	Nguyễn Quốc	Thịnh	25/09/1970						
23	211114052	Nguyễn Thu	Thủy	09/12/1990						
24	211114050	Nguyễn Thị Anh	Thư	12/02/1998						
25	211114053	Võ My Uyên	Trân	30/09/1996						
26	211114059	Nguyễn Thị Kim	Ứng	01/12/1998						
27	211114061	Phạm Thị	Việt	27/02/1988						
28	211114062	Đặng Thị	Vóc	16/04/1984						
29	211114063	Hoàng Đình	Vũ	24/09/1993						
30	211114066	Đàm Thanh	Xuân	04/02/1993						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 22D1ADV60700601

Môn thi: **Kế toán quản trị cao cấp**

Mã ca thi: **THI199497**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **18/03/2022**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211114001	Nguyễn Thị	Biên	20/04/1985						
2	211114002	Phạm Ngọc Thiên	Chinh	18/08/1975						
3	211114012	Bùi Minh	Huệ	17/07/1993						
4	202114036	Trần Thị	Huệ	05/05/1988						Nợ HP
5	211114015	Lê Mạnh	Huy	31/08/1988						
6	211114016	Nguyễn Xuân	Huy	20/03/1979						
7	211114017	Lê Thị	Huyền	22/08/1989						
8	211114013	Lê Thị Thanh	Hương	10/02/1984						
9	211114014	Trần Thu	Hường	12/11/1990						
10	211114018	Nguyễn Kim Hồng	Khuyên	25/10/1988						
11	211114020	Lý Ngọc	Lài	17/07/1987						
12	201114018	Lê Thùy	Linh	10/09/1993						
13	211114025	Nguyễn Bắc Tiến	Nam	20/08/1984						
14	211114026	Phan Thị Phương	Nam	04/03/1997						
15	211114027	Nguyễn Thị	Nga	20/07/1989						
16	211114030	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	03/03/1998						
17	211114031	Nguyễn Thị Bích	Ngân	02/11/1998						Nợ HP
18	211114034	Phan Thị Thu	Nguyên	10/10/1990						
19	211114035	Tô Thùy Mỹ	Nguyên	02/06/1998						
20	201114028	Nguyễn Thị	Nhung	08/01/1997						
21	211114042	Phạm Ngọc Việt	Phương	04/06/1988						
22	211114038	Trương Thị Khánh	Phương	05/06/1998						
23	211114046	Võ Ngọc	Thanh	21/04/1988						
24	211114051	Hồ Phùng Diễm	Thúy	01/11/1987						
25	211114056	Lê Ngọc Thảo	Trang	30/04/1996						
26	211114055	Nguyễn Hương	Trang	02/08/1997						
27	211114054	Quách Tú	Trân	01/12/1991						
28	211114057	Nguyễn Châu Thủy	Trúc	28/01/1998						
29	211114060	Nguyễn Võ Như	Uyên	03/12/1991						
30	211114064	Phạm Thị Quỳnh	Vy	28/01/1998						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	211114067	Dương Nguyễn Kim	Yến	26/11/1991						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 22D1LAW52402

Môn thi: **Luật sở hữu trí tuệ (II)**

Mã ca thi: **THI199499**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **20/03/2022**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211120003	Đinh Gia	Bảo	16/12/1992						
2	211120008	Nguyễn Ngọc Thương	Doanh	22/09/1994						Nợ HP
3	211120011	Nguyễn Thị Thùy	Dương	11/03/1998						
4	211120012	Phạm Trà	Giang	07/08/1982						
5	211120016	Chung Gia	Hảo	09/10/1990						
6	211120018	Lê Vinh Thái	Hiệp	13/11/1975						
7	211120020	Nguyễn Trần Minh	Hoa	25/04/1998						
8	211120027	Phạm Thanh	Huy	14/06/1995						
9	211120025	Phan Đăng	Hùng	23/08/1981						
10	211120033	Vũ Thanh	Long	15/12/1976						
11	211120037	Hồ Nguyễn Thành	Nam	10/01/1983						
12	211120036	Nguyễn Giang	Nam	01/11/1991						
13	211120039	Vũ Trịnh Bảo	Ngọc	27/07/1998						
14	211120042	Nguyễn Quốc	Phú	23/06/1987						
15	211120043	Trần Hoàng Thiên	Phúc	08/10/1995						
16	211120047	Phan Vũ	Quỳnh	27/08/1998						
17	211120062	Phan Thanh	Tâm	06/03/1981						
18	211120050	Trần Trung	Thành	02/07/1986						
19	211120052	Trần Lê Thanh	Thảo	10/04/1999						
20	211120055	Nguyễn Thị Cẩm	Thúy	10/08/1980						
21	211120053	Lê Huyền	Thư	20/08/1994						
22	211120058	Nguyễn Thủy	Tiên	30/10/1998						
23	211120059	Phan Trịnh Minh	Tiên	03/10/1992						
24	211120057	Phạm Thị Kiều	Tiên	25/01/1987						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 22D1MUL60501204

Môn thi: **Tài chính công ty đa quốc gia**

Mã ca thi: **THI199501**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **31/03/2022**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211111156	Lê Nguyễn Phước	An	24/09/1987						
2	211111162	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	25/01/1981						
3	211111164	Trần Xuân	Hoàng	30/06/1992						
4	211111166	Trịnh Thị Tuyết	Lan	14/11/1983						Nợ HP
5	211111167	Nguyễn Thị Kim	Liên	09/12/1980						
6	211111168	Đặng Quang	Minh	24/09/1987						
7	211111169	Lê Hoàng	Nam	17/09/1986						
8	211111171	Nguyễn Phương	Ngân	09/10/1989						
9	211111173	Trần Thị Ngọc	Phương	12/10/1989						
10	211111174	Đồng Phúc	Thiện	18/10/1991						
11	211111175	Trần Thị Thanh	Thủy	11/11/1986						
12	211111176	Đỗ Huyền Kim	Thy	05/12/1985						
13	211111177	Phạm Thị Bích	Tiền	06/06/1986						
14	202111111	Huỳnh Ngọc	Trân	06/06/1991						
15	202111123	Phan Hà Phương	Vân	26/10/1994						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CACC60701001

Môn thi: **Lý thuyết kế toán**

Mã ca thi: **THI199503**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **05/03/2022**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202114015	Nguyễn Thị Khánh	Dung	04/08/1988						
2	202114017	Nguyễn Thanh	Duy	02/02/1996						
3	202114019	Trần Khánh	Duy	30/04/1993						
4	202114013	Hồ Vũ Khánh	Dư	06/10/1987						
5	202114010	Nguyễn Thị	Đảm	12/01/1994						
6	202114012	Trần Quách Tuệ	Đông	19/12/1995						
7	202114014	Trần Thị Hồng	Đức	06/08/1995						
8	202114026	Đào Văn	Hảo	31/01/1987						
9	202114022	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	10/12/1987						
10	202114029	Lê Trần Thanh	Hiền	02/02/1993						
11	202114041	Nguyễn Văn	Huy	23/06/1998						
12	202114040	Trịnh Đức	Huy	28/01/1994						
13	202114038	Lê Thị	Hương	22/12/1994						
14	202114039	Nguyễn Thị Kim	Hường	17/06/1994						
15	202114042	Nguyễn Hoàng	Lâm	15/06/1986						
16	202114046	Nguyễn Thị Thùy	Linh	29/03/1989						
17	202114045	Phạm Phú Phương	Linh	20/11/1996						
18	202114044	Trịnh Thị Trúc	Linh	26/05/1994						
19	202114049	Nguyễn Thị	Lộc	14/12/1992						
20	202114051	Hồ Thị Ngọc	Mai	07/01/1987						
21	202114056	Trần Thị	Mộng	14/06/1989						
22	202114059	Huỳnh Hà Bảo	Ngọc	27/10/1993						
23	202114060	Nguyễn Thị	Ngọc	20/01/1997						
24	202114065	Phan Hoàng	Nhật	04/11/1989						
25	202114066	Phan Thảo	Nhi	21/02/1998						
26	202114068	Hoàng Thị Hồng	Nhung	22/08/1996						
27	202114069	Nguyễn Thị Kim	Nhung	24/10/1986						
28	202114073	Danh Sơn Ngọc	Phương	24/10/1995						
29	202114072	Nguyễn Lê Minh	Phương	22/12/1980						
30	202114071	Nguyễn Thị Thanh	Phương	22/12/1994						
31	202114074	Văn Thị Thanh	Phương	28/02/1990						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202114077	Đinh Thị Lê	Sa	19/07/1989						
33	202114083	Tạ Thị Thanh	Thảo	13/12/1981						
34	202114084	Trần Thị Thu	Thảo	02/06/1991						
35	202114086	Phạm Tạ Thu	Thâu	10/01/1984						
36	NCS2020015	Đoàn Thị Thu	Thủy	01/11/1979						
37	202114089	Hoàng Thị Bích	Thủy	29/05/1985						
38	202114088	Tôn Nữ Anh	Thư	19/11/1997						
39	202114091	Võ Thị Đức	Toàn	10/05/1994						
40	202114093	Quách Thị Thùy	Trang	17/03/1995						
41	202114094	Hoàng Nguyễn Quốc	Trí	06/11/1997						
42	202114098	Nguyễn Thị Tường	Vi	24/12/1990						
43	202114099	Tiêu Hoàng	Vũ	07/01/1983						
44	202114100	Võ Thị Trường	Vy	31/05/1993						
45	201114056	Nguyễn Trí	Xuân	17/11/1996						
46	202114101	Đặng Ngọc Thảo	Yên	23/04/1992						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CCRE60600803

Môn thi: **Rủi ro tín dụng và chính sách cho vay**

Mã ca thi: **THI199504**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **06/03/2022**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202112001	Nguyễn Ngọc Hồng	Anh	16/10/1997						
2	202112002	Hồ Thái	Bảo	10/11/1997						
3	202112003	Hồ Trần Quốc	Bảo	07/03/1997						
4	202112004	Phạm Thanh	Bình	03/05/1995						
5	202112007	Nguyễn Thị Tuyết	Chi	02/04/1994						
6	202112009	Lê Huỳnh	Duy	20/07/1995						
7	202112010	Lưu Văn	Duy	16/08/1992						
8	202112014	Dương Nguyễn Hồng	Hạnh	18/06/1978						
9	202112021	Lê Thị Xuân	Hương	30/09/1995						
10	202112025	Nguyễn Hoàng Mỹ	Kim	10/04/1994						
11	202112026	Trần Thái	Lâm	23/09/1989						
12	202112028	Huỳnh Thị Thu	Loan	15/03/1990						
13	202112029	Bùi Thị Trúc	Ly	20/04/1997						
14	202112035	Nguyễn Thu	Nga	06/08/1996						
15	202112034	Phạm Thị Thanh	Nga	08/05/1996						
16	192112034	Nguyễn Thảo	Như	27/12/1993						
17	202112041	Phạm Trúc	Phương	13/05/1990						
18	202112040	Mai Ngọc	Phước	23/01/1998						
19	202112044	Nguyễn Thị Minh	Thảo	20/01/1991						
20	202112047	Trần Minh	Thư	07/01/1991						
21	202112046	Vương Minh	Thư	01/06/1998						
22	202112050	Lê Minh	Toàn	19/02/1994						
23	202112054	Nguyễn Phạm Mỹ	Trình	14/08/1989						
24	202112053	Hồ Thiện	Trí	19/02/1995						
25	202112055	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	21/12/1996						
26	202112057	Bùi Thị Thùy	Vân	18/02/1995						
27	201112054	Phạm Thị	Vui	28/04/1991						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CFIN60600501

Môn thi: **Quản trị định chế tài chính**

Mã ca thi: **THI199505**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **06/03/2022**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202112060	Sivansay	Chanmin a	13/03/1995						Nợ HP
2	202112005	Nguyễn Công	Chánh	25/12/1995						
3	202112006	Dương Huỳnh Ngọc	Châu	26/12/1993						
4	202112012	Trương Thị Hương	Giang	28/08/1982						
5	202112015	Lê Ngọc Anh	Hào	06/03/1989						
6	202112013	Phan Thúy	Hằng	09/03/1991						
7	202112017	Nguyễn Thị	Hiền	10/04/1982						
8	202112018	Phạm Phú	Hiển	07/03/1993						
9	202112023	Trang Ngọc	Huyền	05/11/1990						
10	202112027	Vi Mỹ	Linh	01/04/1991						
11	202112030	Nguyễn Thị	Mến	05/06/1990						
12	202112038	Hứa Tuyết	Ngọc	28/04/1989						
13	202112037	Nguyễn Huỳnh Hải	Ngọc	19/11/1996						
14	202112042	Hoàng Ngọc	Thành	02/01/1995						
15	202112048	Nguyễn Hà Mỹ	Thủy	02/04/1985						
16	202112051	Nguyễn Thị Huyền	Trân	31/12/1983						
17	202112053	Hồ Thiện	Trí	19/02/1995						
18	202112056	Nguyễn Hồng	Vân	01/01/1985						
19	202112058	Tôn Nữ Thúy	Vân	17/11/1996						
20	202112059	Nguyễn Thị Thúy	Vi	31/03/1984						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.2
LỚP 21C1STR60202101

Môn thi: **Quản trị chiến lược**
Thời gian thi:
Ngày thi: **12/03/2022**

Mã ca thi: **THI199507**
Giờ thi:
Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	212114001	Bùi Nguyễn Văn	Anh	18/08/1996						
2	212114002	Đào Thị Vân	Anh	20/08/1982						
3	212114003	Nguyễn Hoàng Lan	Anh	28/09/1998						
4	212114004	Trần Hồng Thúy	Anh	07/08/1996						
5	212114005	Lê Viết Bi	Bo	02/05/1993						
6	212114007	Nguyễn Hữu	Đức	06/12/1974						
7	212114009	Bùi Thị Lệ	Giang	10/07/1999						
8	212114011	Ngô Thị Thu	Hiền	15/09/1992						
9	212114016	Trần Quốc	Huy	09/07/1998						Nợ HP
10	212114017	Đào Lệ	Huyền	08/06/1980						
11	212114019	Mai Huỳnh Đăng	Khoa	14/10/1997						
12	212114020	Lê Tuấn	Kiệt	19/01/1992						
13	192114032	Lê Cao Thùy	Linh	12/07/1993						
14	212114021	Nguyễn Thị Việt	Linh	28/12/1992						Nợ HP
15	212114025	Cao Thị	Lộc	16/04/1990						
16	212114026	Lý Kim	Lộc	30/09/1994						
17	212114029	Nguyễn Hùng	Mạnh	01/01/1991						Nợ HP
18	212114028	Tất Gia	Mẫn	18/02/1999						
19	212114033	Bùi Văn	Nguyên	05/06/1994						
20	212114034	Huỳnh Ngọc Ngân	Nguyên	24/12/1998						
21	212114032	Lê Bích	Ngưng	19/10/1992						
22	212114036	Nguyễn Thị Hồng	Nhiên	07/01/1996						
23	212114037	Lê Bá	Phát	08/02/1993						Nợ HP
24	212114038	Từ Quốc	Phong	20/04/1977						
25	212114039	Nguyễn Văn	Phúc	08/06/1980						
26	212114041	Trần Huỳnh Trúc	Phương	20/07/1987						
27	212114042	Trần Như	Quỳnh	03/07/1984						
28	212114045	Nguyễn Thị Hoài	Thư	20/08/1996						
29	212114052	Nguyễn Thùy	Trang	12/02/1997						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
30	212114053	Nguyễn Thị Thùy	Trinh	10/04/1994						
31	212114055	Lê Thị Tố	Uyên	27/01/1987						
32	212114056	Dương Hà	Vy	04/02/1997						
33	212114057	Vũ Đình Ý	Yên	02/03/1983						Nợ HP

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.2
LỚP 21C1LAW50301

Môn thi: **Phương pháp nghiên cứu luật học**

Mã ca thi: **THI199508**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **13/03/2022**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	212120001	Hồ Đình	Anh	25/12/1996						
2	212120002	Võ Hà Tuyết	Anh	15/08/1997						
3	212120004	Nguyễn Hiếu	Bình	02/07/1995						
4	212120003	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	09/08/1998						Nợ HP
5	212120007	Đỗ Xuân	Diệu	20/12/1996						
6	212120009	Nguyễn Văn	Duyên	01/02/1985						
7	212120010	Vũ Cát	Duyên	24/10/1998						
8	212120008	Võ Việt	Dũng	03/12/1966						
9	212120005	Nguyễn Quang	Đạt	24/05/1973						
10	212120006	Nguyễn Duy	Điện	12/01/1979						
11	212120011	Võ Cao Nhật	Hạ	02/06/1998						
12	212120012	Đoàn Nguyễn Minh	Hoà	16/11/1990						
13	212120014	Văn Cập	Huy	27/11/1980						
14	212120013	Lê Thanh	Hùng	15/10/1982						Nợ HP
15	212120015	Son Joo	Hyeong	13/01/1976						
16	212120016	Nguyễn Mạnh	Khoa	30/12/1991						
17	212120017	Nguyễn Mạnh	Khôi	30/12/1991						
18	212120018	Huỳnh Tấn	Lênh	12/01/1989						Nợ HP
19	212120019	Nguyễn Thị Mỹ	Liên	02/09/1970						
20	212120020	Bạch Quyền	Linh	05/04/1999						
21	212120021	Lê Thị	Mai	07/04/1992						
22	212120022	Nguyễn Quốc	Mẫn	16/05/1996						
23	212120023	Trần Chí	Nguyên	15/08/1994						Nợ HP
24	212120025	Lê Uyên	Nhã	23/10/1986						
25	212120026	Đỗ Thanh	Nhân	10/08/1992						
26	212120027	Trương Ngọc	Oanh	03/11/1989						
27	212120028	Ngô Bá	Phương	18/10/1977						
28	212120030	Nguyễn Thị Ngọc C	Quyên	23/04/1998						
29	212120029	Nguyễn Thị Kim	Quyên	17/08/1997						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
30	212120031	Trần Minh	Quyết	16/01/1992						
31	212120032	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	01/07/1997						
32	212120033	Nguyễn Mạnh	Sóng	25/07/1985						
33	212120034	Nguyễn Minh	Tâm	23/12/1981						
34	212120035	Bùi Nhật	Tân	10/09/1991						
35	212120036	Nguyễn Thị	Thái	28/12/1994						
36	212120038	Dương Thủy	Tiên	06/10/1995						
37	192120047	Nguyễn Minh	Tính	22/10/1982						
38	212120040	Đoàn Huỳnh Thu	Trang	19/09/1999						
39	192120050	Hồ Ngọc Thiên	Trang	06/05/1996						
40	212120039	Trần Thị Thanh	Trâm	21/09/1998						
41	212120041	Nguyễn Ngọc	Triều	14/06/1988						
42	212120042	Nguyễn Thị Mai	Trinh	12/12/1991						
43	212120043	Huỳnh Hữu Huy	Trường	08/12/1997						
44	212120045	Võ Anh	Tuấn	02/10/1992						
45	212120046	Trương Nguyễn Vĩnh Ngọc	Tuyết	04/09/1969						
46	212120044	Trần Ngọc Bảo	Tú	08/07/1981						
47	212120047	Ung Sĩ Kỳ	Viên	02/05/1988						Nợ HP
48	212120048	Nguyễn Ngọc	Vinh	28/02/1993						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.2
LỚP 21C1STR60202102

Môn thi: **Quản trị chiến lược**

Mã ca thi: **THI199509**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **13/03/2022**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	212114006	Lê Tiến	Đại	19/05/1992						
2	212114012	Vương Thị Minh	Hiền	29/03/1993						
3	212114014	Nguyễn Thị	Hoa	18/10/1992						
4	212114018	Nguyễn Thị Thu	Huyền	28/02/1975						
5	212114015	Dương Minh	Hùng	31/12/1997						
6	212114022	Nguyễn Văn	Linh	08/10/1979						Nợ HP
7	212114023	Phan Thị Thùy	Linh	09/09/1993						
8	212114024	Trần Mỹ	Linh	04/01/1977						
9	212114030	Lê Thị Như	Ngọc	28/11/1995						
10	212114031	Phan Thị	Ngọc	10/06/1988						
11	212114035	Nguyễn Bảo	Nhi	29/10/1998						
12	212114040	Nguyễn Thị Thanh	Phương	29/08/1991						
13	192107135	Phan Đỗ Minh	Quân	25/10/1993						
14	212114043	Huỳnh Thị Minh	Thảo	30/03/1982						
15	212114044	Phạm Thư	Thảo	29/11/1997						
16	212114047	Nguyễn Thị Diệu	Thùy	02/09/1988						
17	212114048	Đoàn Thị Ngọc	Thủy	12/10/1999						
18	212114049	Huỳnh Lê Anh	Thy	23/01/1998						
19	212114051	Nguyễn Thị	Trang	04/08/1992						
20	212114054	Lê Thị	Tuyền	01/04/1989						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21C1FIN60502302

Môn thi: **Công nghệ tài chính**

Mã ca thi: **THI199510**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **13/03/2022**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201111004	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	17/07/1995						Nợ HP
2	201111008	Nguyễn Võ Hoàng	Chương	15/04/1995						
3	201111009	Phạm Danh	Cung	12/04/1997						
4	201111020	Thạch Thị Mỹ	Hằng	01/05/1989						
5	201111036	Nguyễn Thị Thanh	Liêm	03/12/1995						
6	192111055	Đỗ Hoàng	Luân	11/11/1995						
7	201111043	Nguyễn Hiền	Lương	12/10/1988						
8	201111047	Trần Thị Ngọc	Minh	16/08/1995						
9	201111093	Dương Quốc	Tuấn	02/06/1991						
10	201111092	Trương Văn	Tuấn	27/05/1997						
11	201111100	Nguyễn Minh	Yến	17/02/1995						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.2
LỚP 21C1QCQP02

Môn thi: **Quản trị các tổ chức công**

Mã ca thi: **THI199511**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **13/03/2022**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	212116001	Trần Bảo	An	29/04/1998						
2	212116002	Trần Anh	Duy	21/06/1991						
3	212116003	Huỳnh Trung	Nghĩa	02/11/1982						
4	212116004	Huỳnh Tấn	Phi	27/02/1993						
5	212116005	Nguyễn Hữu Thanh	Thi	25/08/1994						Nợ HP
6	212116006	Trần Thị Thi	Thơ	22/01/1985						
7	212116007	Phạm Khánh	Toàn	11/09/1999						
8	212116008	Phạm Thị Huyền	Trân	18/07/1995						
9	212116009	Nguyễn Vũ Tiên	Trinh	30/01/1998						Nợ HP
10	212116011	Bùi Thúy	Vương	06/11/1978						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trường (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21C1ECO60100802

Môn thi: **Thiết kế nghiên cứu**

Mã ca thi: **THI199512**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **15/03/2022**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201114001	Cao Thị Thúy	An	01/07/1997						
2	201111003	Phan Lê Minh	Anh	09/02/1997						
3	201111007	Vũ Thanh	Bình	30/03/1993						
4	201107019	Bùi Thái Thanh	Danh	30/04/1997						
5	201114008	Võ Thị Cơ	Diệp	02/02/1995						
6	201114010	Lê Thị Cẩm	Dung	15/09/1992						
7	201107036	Lê Thị Trà	Giang	08/03/1994						
8	201111017	Trần Bảo Ngọc	Hà	10/05/1996						
9	201111018	Trần Thị Thu	Hà	15/09/1994						
10	201107045	Hồng Thanh	Hào	03/09/1992						
11	201114012	Ngô Thanh	Hạnh	22/07/1976						
12	201107047	Đinh Vũ Ngọc	Hiền	19/06/1989						
13	201107050	Lê Trung	Hiếu	29/05/1990						
14	201114013	Nguyễn Thị	Hồng	16/02/1992						
15	201114014	Trần Thị Phương	Huệ	22/08/1989						
16	201107053	Nguyễn Minh	Hùng	27/05/1994						
17	201114015	Hoàng Đình	Hung	14/11/1995						
18	201107066	Bùi Hồng	Linh	26/04/1990						
19	201114019	Hồ Thị Mỹ	Linh	24/08/1995						
20	201114018	Lê Thùy	Linh	10/09/1993						
21	201114020	Huỳnh Thị Ngọc	Long	31/05/1992						
22	201114021	Phạm Thị Diệu	Lý	01/01/1994						
23	7701280757A	Lê Thị Kim	Mỹ	07/09/1984						Nợ HP
24	201111057	Phạm Lê Hiếu	Nguyên	12/01/1998						
25	201111059	Trần Thanh	Nhàn	24/05/1993						
26	201114027	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	02/01/1976						
27	201114028	Nguyễn Thị	Nhung	08/01/1997						
28	192107125	Lương Hồng	Phương	06/12/1993						
29	201114029	Phạm Thị Quỳnh	Phương	23/12/1995						
30	201107098	Trương Bá	Quang	27/07/1985						Nợ HP

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	201111076	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	29/10/1996						
32	201114031	Nguyễn Ngọc Thiên	Thanh	09/08/1997						
33	201114032	Trần Thị Thu	Thanh	29/01/1997						
34	201114037	Phan Thị Hoài	Thu	30/11/1989						
35	201114041	Nguyễn Kim	Thùy	15/04/1995						
36	201114043	Lê Thị	Thủy	01/11/1979						
37	201114039	Trần Thị Hồng	Thư	04/02/1986						
38	201114049	Bùi Ngọc Minh	Trang	02/03/1997						
39	201114047	Đặng Thị Minh	Trang	20/09/1994						
40	201114045	Dương Thùy	Trâm	03/01/1993						
41	201107132	Phan Bùi Phương	Tuấn	14/08/1994						
42	201111091	Trần Minh	Tuấn	28/04/1996						
43	201107135	Lê Ánh	Tuyết	15/01/1995						
44	201114054	Phan Tường	Vi	28/12/1996						
45	201107148	Nguyễn Nhất	Vũ	20/01/1981						Nợ HP
46	201114056	Nguyễn Trí	Xuân	17/11/1996						
47	201114057	Phùng Thị Như	Ý	06/02/1991						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trường (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21C1FIN60502301

Môn thi: **Công nghệ tài chính**

Mã ca thi: **THI199514**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **18/03/2022**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201111005	Bùi Tấn	Bản	02/12/1997						
2	201111015	Lê Thị	Giang	22/11/1992						
3	201111022	Nguyễn Thị Cẩm	Hiền	11/03/1994						
4	201111025	Hoàng Mạnh	Hùng	21/02/1993						
5	201111037	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	19/07/1991						
6	201111052	Phạm Trí	Nghĩa	22/03/1996						
7	201111053	Lê Trần Bảo	Ngọc	14/02/1994						
8	201111058	Nguyễn Phạm Viết	Nhã	12/09/1982						
9	201111062	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	13/11/1996						
10	201111067	Đào Thanh	Phong	19/03/1997						
11	201111072	Đỗ Thị Lệ	Quyền	20/08/1985						
12	201111080	Võ Thị Kim	Thoa	03/01/1994						
13	201111082	Nguyễn Công	Thủ	10/07/1991						
14	201111087	Cao Thị Ngọc	Trân	20/10/1993						
15	201111090	Võ Thị Thanh	Trúc	23/10/1987						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21C1ECO60100803

Môn thi: **Thiết kế nghiên cứu**

Mã ca thi: **THI199518**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **24/03/2022**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201107011	Lê Thanh	Bình	07/12/1991						
2	201107018	Cao Đức	Cường	23/01/1983						
3	201107017	Dương Mạnh	Cường	05/08/1997						
4	201109005	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	24/06/1994						
5	201110001	Phạm Ngọc	Dung	27/05/1993						
6	201111019	Lê Thị Thanh	Hà	26/11/1994						
7	201107038	Nguyễn Long	Hải	05/08/1984						
8	201107040	Phan Thanh	Hải	01/05/1982						
9	201114011	Nguyễn Thị	Hằng	24/12/1989						
10	201111030	Ngô Quốc	Huy	28/07/1989						
11	201107062	Công Huyền Tôn Nữ Thúy	Kiều	15/08/1992						
12	7701280699A	Lại Thị Khánh	Linh	08/08/1994						Nợ HP
13	201107067	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	20/10/1994						
14	201114024	Lê Thị Tuyết	Mai	13/05/1987						
15	201107077	Lê Thị Thái	Ngân	18/10/1993						
16	201109015	Trần Thị Thanh	Ngân	19/12/1997						
17	7701280790A	Trịnh Trương Kiều	Ngọc	29/08/1995						
18	201111060	Nguyễn Thành	Nhân	14/10/1997						
19	202107127	Lê Thị Minh	Nhi	10/02/1991						
20	201109019	Nguyễn Hoàng Thảo	Nhi	22/08/1997						
21	201110005	Lê Nguyễn Huỳnh	Như	13/04/1997						
22	201109020	Trần Thị	Oanh	08/01/1998						
23	201107093	Trình Hồng	Phi	20/10/1995						
24	201109021	Lê Thị Bích	Phượng	20/01/1989						
25	201109024	Nguyễn Thị Điện	Sương	12/10/1998						
26	201107103	Trương Phan Minh	Tâm	22/03/1994						
27	201107113	Dương Anh	Thuận	12/12/1994						
28	201107114	Huỳnh Thị Thanh	Thùy	27/03/1990						
29	201107115	Lê Thị	Thủy	11/10/1991						
30	201114038	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	04/03/1995						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	201110015	Ngô Á	Tiên	20/05/1997						
32	201107116	Nguyễn Ngọc	Tiến	10/10/1991						
33	201111088	Huỳnh Thị Bảo	Trân	14/04/1992						
34	201109032	Trần Đình Minh	Trí	25/11/1982						Nợ HP
35	201111094	Thuận Lâm	Tuần	19/10/1993						
36	201107140	Đoàn Thị Lê	Vân	12/03/1989						
37	201109033	Trương Phạm Khánh	Vân	12/11/1988						
38	201109036	Lê Thị Phi	Yến	31/12/1988						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trường (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.2
LỚP 21C1THE60500102

Môn thi: **Lý thuyết tài chính**

Mã ca thi: **THI199519**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **25/03/2022**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	212111002	Nguyễn Đức	Anh	06/11/1988						
2	212111009	Nguyễn Thị Kim	Chi	15/12/1991						
3	212111010	Tô Mai	Chi	20/08/1995						
4	212111012	Võ Thị Kim	Cương	07/09/1993						
5	212111014	Nguyễn Mạnh	Cường	02/02/1997						
6	212111015	Phạm Công	Danh	01/06/1993						
7	212111017	Phạm Thương	Diệu	15/10/1993						Nợ HP
8	212111018	Hồ Thị Mỹ	Dung	13/06/1999						
9	212111019	Đỗ Quý	Dương	25/10/1997						
10	212111031	Nguyễn Thị Thu	Hà	31/12/1991						
11	212111032	Tổng Thị Thu	Hải	23/02/1987						
12	212111039	Bùi Vũ Minh	Hiền	10/09/1996						
13	212111046	Thái Ngọc Minh	Hoàng	01/03/1996						
14	212111047	Trương Đàm Anh	Hoàng	10/01/1991						
15	212111057	Lê Xuân	Huy	19/06/1995						Nợ HP
16	212111060	Vũ Thanh	Huyền	13/10/1990						Nợ HP
17	212111051	Nguyễn Thị	Hương	19/11/1985						
18	212111053	Nguyễn Thị Việt	Hương	14/01/1996						
19	212111056	Đào Thị Bích	Hường	26/12/1993						
20	212111065	Võ Thị Minh	Lập	24/03/1995						
21	212111066	Trần Thị Dạ	Lê	02/01/1995						
22	212111077	Huỳnh Thị Hồng	Lĩnh	01/03/1997						Nợ HP
23	212111080	Trịnh Hồng Xuân	Mai	10/12/1997						
24	212111082	Trần Quang	Mỹ	17/03/1994						Nợ HP
25	212111085	Cao Thị	Ngân	12/11/1984						
26	212111092	Lê Phương Yến	Nhi	02/05/1993						
27	212111098	Dương Phương Hoàng Diễm	Phúc	19/07/1990						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
28	212111096	Đặng Nguyễn Hoàng	Phúc	06/04/1997						Nợ HP
29	212111097	Đặng Vĩnh	Phúc	17/11/1997						
30	212111099	Lê Thị Thanh	Phuong	28/01/1996						
31	212111100	Trần Thị Minh	Phuong	09/03/1996						
32	212111101	Lê Như	Phượng	08/02/1997						
33	212111103	Chu Văn	Quỳnh	02/04/1979						
34	212111104	Lê Thị Vân	Quỳnh	29/09/1994						
35	212111109	Đặng Thị Kim	Thanh	15/10/1997						
36	212111113	Lê Phương Ngọc	Thảo	05/08/1991						
37	212111114	Trần Thị Phương	Thảo	25/10/1992						
38	212111115	Trần Thị Thu	Thảo	14/11/1996						
39	212111120	Hà Thị Thanh	ThúY	03/11/1989						
40	212111121	Nguyễn Thị Minh	Thúy	24/01/1993						
41	212111118	Lê Nguyễn Minh	Thư	17/12/1995						
42	212111123	Trần Đình	Tiến	23/04/1999						Nợ HP
43	212111124	Bùi Vĩnh	Toàn	23/10/1990						
44	212111129	Nguyễn Dương Huyền	Trân	19/09/1994						Nợ HP
45	212111132	Huỳnh Bảo	Trung	07/04/1996						Nợ HP
46	212111142	Đặng Thị Hồng	Uyên	12/01/1994						
47	212111143	Phạm Đình Minh	Uyên	24/11/1997						
48	212111146	Đặng Bá Thế	Vinh	18/07/1998						
49	212111148	Trần Nguyễn Thanh	Vy	25/08/1998						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____
2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trường (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21C1FIX60502202

Môn thi: **Chứng khoán có thu nhập cố định**

Mã ca thi: **THI199520**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **27/03/2022**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201111010	Trần Quốc	Cường	15/10/1992						Nợ HP
2	201111012	Nguyễn Đình	Đại	28/10/1989						
3	192111027	Nguyễn Viết	Hải	05/03/1991						
4	201111020	Thạch Thị Mỹ	Hằng	01/05/1989						
5	201111029	Nguyễn Thị Thanh	Hương	10/08/1992						
6	201111028	Nguyễn Thị Thu	Hương	07/09/1994						
7	201111032	Trịnh Thị Xuân	Khuê	22/03/1990						
8	201111034	Nguyễn Thị Thanh	Lan	13/02/1994						
9	201111036	Nguyễn Thị Thanh	Liêm	03/12/1995						
10	201111038	Phạm Thị Thùy	Linh	13/10/1995						
11	201111043	Nguyễn Hiền	Lương	12/10/1988						
12	201111047	Trần Thị Ngọc	Minh	16/08/1995						
13	201111063	Ngô Bích	Nhung	29/01/1995						
14	201111065	Mai Thị Mỹ	Nương	12/05/1988						
15	201111064	Huỳnh Thị Ngọc	Nữ	01/01/1995						
16	201111069	Giang Huệ	Phương	23/12/1997						
17	201111081	Ngô Thị Ngọc	Thu	21/12/1986						
18	201111083	Nguyễn Thị Anh	Thư	30/11/1998						
19	201111084	Trần Thị Ngọc	Thương	28/03/1986						
20	201111089	Phạm Thị Huyền	Trang	15/06/1985						
21	201111095	Bùi Thị Kim	Tuyến	22/10/1988						
22	201111096	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	13/03/1989						
23	201111097	Mạc Phương	Uyên	09/06/1997						
24	201111100	Nguyễn Minh	Yến	17/02/1995						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21C1ECO60100801

Môn thi: **Thiết kế nghiên cứu**

Mã ca thi: **THI199523**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **28/03/2022**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201111002	Phan Như Tuấn	Anh	15/09/1997						
2	7701280404A	Lê Viết	Ba	17/04/1982						
3	201107015	Đào Mỹ	Chi	11/04/1988						
4	201107022	Trần Thiên	Di	17/06/1984						
5	201107023	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	08/07/1991						
6	201107025	Tăng Xuân	Diệu	28/02/1993						
7	201107033	Nguyễn Lê Anh	Duy	28/04/1990						
8	201107034	Lê Thị Mỹ	Duyên	14/02/1998						
9	201107021	Lê Thành	Đạt	29/09/1997						
10	201112008	Nguyễn Bảo	Giang	14/11/1997						
11	201107035	Vũ Thị Hương	Giang	24/11/1995						
12	192107041	Huỳnh Thị Quỳnh	Giao	12/07/1990						Nợ HP
13	201107039	Trương Hoàng Sơn	Hải	17/08/1998						
14	201107055	Nguyễn Quang	Huy	01/04/1985						
15	201107059	Đình Viết	Kết	19/11/1984						
16	201107060	Nguyễn Vũ	Khải	10/01/1991						
17	201111039	Nguyễn Thái Hoài	Linh	07/03/1998						
18	201107064	Nguyễn Thị Diệu	Linh	06/09/1997						
19	201110003	Nguyễn Thị Yến	Linh	08/07/1996						
20	201110004	Nguyễn Trần Ngọc	Linh	17/08/1993						
21	201107072	Lê Đức	Mạnh	16/06/1993						
22	201107078	Lê Thị Kim	Ngân	21/03/1992						
23	201107079	Ngô Mai Kim	Ngân	27/09/1997						
24	201107085	Dương Tuấn	Ngọc	06/02/1993						
25	201109017	Ngô Xuân Yến	Ngọc	12/11/1995						
26	201107084	Trần Thị Như	Ngọc	16/04/1993						
27	192107109	Lê Thị Minh	Nguyệt	11/07/1991						
28	201107089	Nguyễn Thanh	Nhân	20/11/1995						
29	201111066	Trần Thị Kim	Oanh	17/11/1996						
30	201110007	Võ Duy Thiên	Phú	14/10/1982						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	201107096	Trần	Phúc	31/10/1995						
32	201107099	Võ Nhựt	Quế	13/11/1996						
33	201107100	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	20/11/1991						
34	201107102	Trần Minh	Ry	25/05/1994						
35	201107104	Nguyễn Phương Minh	Tâm	14/10/1996						
36	201111078	Võ Văn	Thành	02/03/1992						
37	201110013	Mã Văn	Thu	25/11/1994						
38	201107121	Trần Ngọc Mỹ	Trân	27/02/1994						
39	201107125	Nguyễn Minh	Trí	29/04/1993						
40	201107133	Lê Thị Kim Linh	Tuyền	07/03/1983						
41	201107137	Trần Thị Ánh	Tuyết	21/06/1992						Nợ HP
42	201107130	Nguyễn Đức Cẩm	Tú	15/09/1996						
43	201107141	Đặng Thị	Văn	02/06/1990						
44	201107143	Võ Quốc	Việt	15/03/1991						
45	201107152	Đoàn Thị Kim	Yên	25/11/1997						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trường (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21C1MAN60202201

Môn thi: **Phương pháp định lượng dành cho quản trị và quản lý** Mã ca thi: **THI199524**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/03/2022**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	7701280404A	Lê Viết	Ba	17/04/1982						
2	201107011	Lê Thanh	Bình	07/12/1991						
3	201107015	Đào Mỹ	Chi	11/04/1988						
4	201107023	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	08/07/1991						
5	201107025	Tăng Xuân	Diệu	28/02/1993						
6	201107033	Nguyễn Lê Anh	Duy	28/04/1990						
7	201107034	Lê Thị Mỹ	Duyên	14/02/1998						
8	201107021	Lê Thành	Đạt	29/09/1997						
9	201107035	Vũ Thị Hương	Giang	24/11/1995						
10	192107041	Huỳnh Thị Quỳnh	Giao	12/07/1990						Nợ HP
11	201107045	Hồng Thanh	Hào	03/09/1992						
12	201107040	Phan Thanh	Hải	01/05/1982						
13	201107039	Trương Hoàng Sơn	Hải	17/08/1998						
14	201107047	Đinh Vũ Ngọc	Hiền	19/06/1989						
15	201107055	Nguyễn Quang	Huy	01/04/1985						
16	201107053	Nguyễn Minh	Hùng	27/05/1994						
17	201107059	Đinh Viết	Kết	19/11/1984						
18	201107060	Nguyễn Vũ	Khải	10/01/1991						
19	201107066	Bùi Hồng	Linh	26/04/1990						
20	201107064	Nguyễn Thị Diệu	Linh	06/09/1997						
21	201110003	Nguyễn Thị Yến	Linh	08/07/1996						
22	201110004	Nguyễn Trần Ngọc	Linh	17/08/1993						
23	201107072	Lê Đức	Mạnh	16/06/1993						
24	201107078	Lê Thị Kim	Ngân	21/03/1992						
25	201107077	Lê Thị Thái	Ngân	18/10/1993						
26	201107079	Ngô Mai Kim	Ngân	27/09/1997						
27	201107085	Dương Tuấn	Ngọc	06/02/1993						
28	201109017	Ngô Xuân Yến	Ngọc	12/11/1995						
29	201107084	Trần Thị Như	Ngọc	16/04/1993						
30	192107109	Lê Thị Minh	Nguyệt	11/07/1991						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	201110007	Võ Duy Thiên	Phú	14/10/1982						
32	201107098	Trương Bá	Quang	27/07/1985						Nợ HP
33	201110013	Mã Văn	Thu	25/11/1994						
34	201114039	Trần Thị Hồng	Thư	04/02/1986						
35	201107121	Trần Ngọc Mỹ	Trân	27/02/1994						
36	201107125	Nguyễn Minh	Trí	29/04/1993						
37	201107133	Lê Thị Kim Linh	Tuyền	07/03/1983						
38	201107137	Trần Thị Ánh	Tuyết	21/06/1992						Nợ HP
39	201107130	Nguyễn Đức Cẩm	Tú	15/09/1996						
40	201107141	Đặng Thị	Văn	02/06/1990						
41	201107143	Võ Quốc	Việt	15/03/1991						
42	201107148	Nguyễn Nhất	Vũ	20/01/1981						Nợ HP
43	201107152	Đoàn Thị Kim	Yên	25/11/1997						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.2
LỚP 21C1THE60500103

Môn thi: **Lý thuyết tài chính**

Mã ca thi: **THI199526**

Thời gian thi:

Giờ thi: **06g45**

Ngày thi: **05/03/2022**

Phòng thi: **BOX-01**

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	212111001	Lê Thị Mai	Anh	05/10/1998						
2	212111004	Nguyễn Thị Xuân	Anh	05/08/1992						Nợ HP
3	212111005	Trần Thị Thanh	Anh	22/11/1996						
4	212111011	Lê Văn	Chính	18/11/1994						
5	212111025	Võ Thanh	Duy	22/09/1996						
6	212111026	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	19/02/1997						
7	212111027	Phạm Mỹ	Duyên	24/10/1993						
8	212111020	Nguyễn Thái	Dương	08/06/1984						Nợ HP
9	212111030	Lê Thanh	Giàu	04/11/1982						
10	212111037	Lê Nguyễn	Hào	07/01/1996						
11	212111036	Trần Thị Ngọc	Hạnh	10/06/1991						
12	212111033	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	19/01/2021						
13	212111042	Nguyễn Hữu	Hiếu	29/10/1996						
14	212111043	Nguyễn Thị Thu	Hiếu	30/05/1997						
15	212111044	Huỳnh Nguyễn Thúy	Hoa	21/06/1993						
16	212111048	Phương Minh	Huệ	07/01/1996						
17	212111059	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	16/09/1998						
18	212111050	Lại Thanh	Hương	02/08/1998						
19	212111054	Phạm Thị Thanh	Hương	05/06/1990						
20	212111055	Võ Nguyễn Quỳnh	Hương	25/06/1997						
21	212111061	Trần	Khanh	12/11/1998						
22	212111063	Nguyễn Viết	Khuê	21/04/1996						
23	212111067	Nguyễn Thị	Lệ	28/02/1997						
24	212111068	Nguyễn Thanh	Liêm	14/05/1982						
25	212111074	Phan Diệu	Linh	29/01/1991						Nợ HP
26	212111079	Ngô Minh	Lý	02/04/1995						
27	212111081	Lê Thị Kim	Mỹ	07/09/1984						Nợ HP
28	212111089	Trần Viết Phúc	Nguyên	20/08/1996						
29	212111094	Cao Thị Hoàng	Oanh	17/05/1995						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
30	212111102	Tô Chí	Quyết	05/10/1998						
31	212111105	Trần Tấn	Sang	20/09/1995						
32	212111112	Lê Nguyễn Phương	Thảo	02/05/1999						
33	212111117	Trần Duy	Thịnh	11/02/1995						
34	212111122	Trần Thị Phương	Thùy	10/09/1995						
35	212111119	Trần Ý	Thương	01/01/1992						
36	212111126	Châu Võ Hoàng	Trâm	01/03/1984						
37	212111127	Nguyễn Mỹ	Trâm	10/02/1997						
38	212111133	Nguyễn Minh	Trung	12/08/1999						
39	212111136	Trần Nhật	Trường	20/10/1999						
40	212111138	Lê Ngọc	Tuấn	13/04/1985						
41	212111139	Nguyễn Quốc	Tuấn	02/08/1999						
42	212111141	Triệu Anh	Tuấn	13/01/1988						
43	212111137	Trương Cẩm	Tú	22/08/1990						
44	212111144	Cao Duy	Viễn	18/06/1992						
45	212111147	Nguyễn Thị	Vinh	02/09/1999						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CINT60600902

Môn thi: **Ngân hàng đầu tư**

Mã ca thi: **THI199527**

Thời gian thi:

Giờ thi: **08g45**

Ngày thi: **05/03/2022**

Phòng thi: **BOX-01**

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202112001	Nguyễn Ngọc Hồng	Anh	16/10/1997						
2	202112002	Hồ Thái	Bảo	10/11/1997						
3	202112003	Hồ Trần Quốc	Bảo	07/03/1997						
4	202112004	Phạm Thanh	Bình	03/05/1995						
5	202112007	Nguyễn Thị Tuyết	Chi	02/04/1994						
6	202112009	Lê Huỳnh	Duy	20/07/1995						
7	202112010	Lưu Văn	Duy	16/08/1992						
8	202112014	Dương Nguyễn Hồng	Hạnh	18/06/1978						
9	202112021	Lê Thị Xuân	Hương	30/09/1995						
10	201112023	Ngô Phúc	Khánh	12/03/1997						
11	202112025	Nguyễn Hoàng Mỹ	Kim	10/04/1994						
12	202112026	Trần Thái	Lâm	23/09/1989						
13	201112029	Ngô Thị Diệu	Linh	09/09/1995						
14	202112028	Huỳnh Thị Thu	Loan	15/03/1990						
15	202112029	Bùi Thị Trúc	Ly	20/04/1997						
16	202112035	Nguyễn Thu	Nga	06/08/1996						
17	202112034	Phạm Thị Thanh	Nga	08/05/1996						
18	192112034	Nguyễn Thảo	Như	27/12/1993						
19	202112041	Phạm Trúc	Phương	13/05/1990						
20	202112040	Mai Ngọc	Phước	23/01/1998						
21	202112044	Nguyễn Thị Minh	Thảo	20/01/1991						
22	202112045	Trần Nguyễn Phương	Thảo	01/01/1992						
23	202112047	Trần Minh	Thư	07/01/1991						
24	202112046	Vương Minh	Thư	01/06/1998						
25	202112050	Lê Minh	Toàn	19/02/1994						
26	202112054	Nguyễn Phạm Mỹ	Trình	14/08/1989						
27	202112055	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	21/12/1996						
28	202112057	Bùi Thị Thùy	Vân	18/02/1995						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.2
LỚP 21C1THE60500101

Môn thi: **Lý thuyết tài chính**

Mã ca thi: **THI199528**

Thời gian thi:

Giờ thi: **14g30**

Ngày thi: **06/03/2022**

Phòng thi: **BOX-08**

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	212111003	Nguyễn Thị Kim	Anh	21/04/1998						
2	212111008	Võ Thị Ngọc	Bích	20/04/1994						
3	201111009	Phạm Danh	Cung	12/04/1997						
4	212111013	Kiều Tấn	Cường	07/05/1995						Nợ HP
5	212111016	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	12/12/1999						
6	212111023	Dương Lê	Duy	05/02/1993						
7	212111021	Nguyễn Thị Thuý	Dương	25/05/1996						
8	212111022	Trần Đại	Dương	04/11/1998						Nợ HP
9	212111028	Lương Trúc	Giang	26/09/1992						
10	212111035	Đoàn Thị Hồng	Hạnh	25/06/1995						
11	212111034	Lê Thị Ngọc	Hân	15/02/1997						
12	212111038	Bùi Thúy	Hiền	12/12/1997						
13	212111041	Châu Phước	Hiếu	16/05/1990						
14	212111045	Nguyễn Thị Kim	Hoa	02/04/1998						
15	212111058	Nguyễn Văn	Huy	17/07/1993						
16	212111052	Nguyễn Thị Thu	Hương	26/12/1990						
17	212111062	Nguyễn Lê	Khánh	28/06/1993						
18	212111149	Trương Hữu Nghĩa	Khánh	12/06/1983						
19	212111064	Nguyễn Phương	Lan	08/02/1984						
20	212111069	Đinh Khánh	Linh	10/10/1999						
21	212111070	Lê Thị Phương	Linh	14/01/1998						
22	212111071	Lương Thị Mỹ	Linh	19/10/1999						
23	212111073	Nguyễn Mỹ	Linh	24/04/1995						
24	212111075	Phan Thùy	Linh	14/08/1999						
25	212111076	Trịnh Thị Ngọc	Linh	02/02/1998						
26	212111078	Trịnh Thị Lưu	Ly	09/05/1991						
27	212111083	Hoàng	Nam	25/06/1988						
28	212111084	Nguyễn Thanh	Nam	14/11/1991						
29	212111086	Nguyễn Văn	Ngân	07/05/1992						
30	212111088	Lâm Kim	Nguyên	19/05/1994						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	212111090	Võ Ngọc Thảo	Nguyên	05/10/1996						
32	212111091	Nguyễn Thanh	Nhật	14/09/1990						
33	212111093	Phan Tuyết	Nhung	14/11/1996						
34	212111095	Trần Thị	Oanh	20/06/1992						
35	212111106	Nguyễn Thị Kim	Son	09/03/1994						
36	212111107	Huỳnh Phước	Tài	16/07/1994						
37	212111108	Lê Văn	Tâm	15/05/1992						
38	212111110	Trương Phương	Thanh	12/02/1998						
39	212111111	Bùi Thị Thu	Thảo	16/01/1991						
40	212111116	Nguyễn Đoàn Phương	Thi	23/07/1997						
41	212111125	Nguyễn Thanh	Toàn	22/08/1992						
42	212111128	Trần Thị Phương	Trâm	27/10/1985						
43	212111130	Đoàn Công	Trình	25/01/1992						
44	212111134	Phạm Văn	Trung	22/01/1991						
45	212111135	Văn Bá	Trung	24/01/1993						
46	212111131	Nguyễn Phạm Thanh	Trúc	28/02/1996						
47	212111140	Nguyễn Viết	Tuấn	27/12/1994						
48	212111145	Ngô Văn	Việt	19/06/1987						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn
